

Bản án số: 13/2021/KDTM-ST

Ngày: 26/5/2021

V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Hoàng Lan Chi**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Nguyễn Thị Xuân Phương
2. Ông Lê Văn Châu**

- Thư ký phiên tòa: **Bà Đinh Thị Thủy** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa: **Bà Lê Thị Huyền** – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 19/2020/TLST-KDTM ngày 24 tháng 02 năm 2020 về việc: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2021/QĐXXST-KDTM ngày 25 tháng 3 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2021/QĐST-KDTM ngày 26/4/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Việt Nam T**; Trụ sở: Số 89 phố L, quận Đ, Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A – Phó Giám đốc Trung tâm pháp luật Ngân hàng SME và cá nhân (Văn bản ủy quyền số 11/2018/UQ-HĐQT ngày 02/3/2018); Người được ủy quyền lại: Ông Phan Văn N, ông Sần Ngọc T – Cán bộ xử lý nợ Ngân hàng (Văn bản ủy quyền số 1010/2020/UQ-VPB ngày 10/8/2020). (*Ông N vắng mặt, ông T có mặt tại phiên tòa*)

2. Bị đơn: **Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ A** (Viết tắt là Công ty A)

Trụ sở: Số 28 Phố C, phường P, quận H, Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Duy V – Giám đốc

Hộ khẩu thường trú: Thôn 7, xã H, huyện T, Hà Nội

Nơi ở: Số 17 Tổ dân phố V, phường M, quận B, Hà Nội.

Người đại diện tham gia tố tụng: Ông Trần Thái H – Thành viên Công ty

Hộ khẩu thường trú và cư trú: Số 240 phố N, phường T, quận X, Hà Nội.

(Ông V, ông H vắng mặt tại phiên tòa)

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Tiến T, sinh năm: 197X; Hộ khẩu thường trú và cư trú: Tập thể D, phường Đ, quận H, Hà Nội. (Ông T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/9/2019, đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung ngày 16/12/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – Ngân hàng TMCP Việt Nam T trình bày:

Theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 160816-955369-01-SME ngày 19/8/2016 và các Khế ước nhận nợ kèm theo, Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ A (Viết tắt là Công ty A) vay vốn của Ngân hàng TMCP Việt Nam T (Viết tắt là Ngân hàng T) số tiền là 425.000.000 đồng. Cụ thể như sau: Giá trị hạn mức: 1.000.000.000 đồng; Thời gian duy trì hạn mức: 12 tháng, tính từ ngày 19/8/2016, trong thời hạn này, bên vay có thể vay vốn, trả nợ nhiều lần (mỗi lần vay vốn sẽ lập thành một Khế ước nhận nợ) nhưng dư nợ tại mọi thời điểm không vượt quá giá trị hạn mức; Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải hành khách bằng đường bộ; Lãi suất cho vay trong hạn: Được quy định trong các Khế ước nhận nợ ký kết giữa Công ty A và Ngân hàng T; Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn, đối với các Khế ước nhận nợ có quy định việc điều chỉnh lãi suất định kỳ thì sau khi chuyển quá hạn, lãi suất cho vay trong hạn vẫn được điều chỉnh định kỳ theo quy định trong Khế ước nhận nợ, sau đó mới nhân (x) với 150% để xác định mức lãi suất; Khoản nợ lãi quá hạn sẽ phải chịu khoản tiền phạt chậm trả, số tiền phạt chậm trả được tính theo công thức sau: số tiền lãi chậm trả (x) số ngày chậm trả (x) 150% lãi suất cho vay trong hạn đang áp dụng tại thời điểm quá hạn/30 (nếu lãi suất tính theo tháng), 360 (nếu lãi suất tính theo năm).

Thực hiện Hợp đồng nêu trên, Ngân hàng T đã giải ngân cho Công ty A theo Khế ước nhận nợ số 231116-955369-01-SME ngày 23/11/2016 như sau: Số tiền nhận nợ: 425.000.000 đồng; Thời hạn vay: 12 tháng từ ngày 23/11/2016 đến ngày 23/11/2017; Lãi suất cho vay trong hạn: 18,2%/năm, lãi suất này sẽ được thay đổi theo phương thức: mức lãi suất sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần, kỳ điều chỉnh đầu tiên ngày 23/12/2016 với mức điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 10,8%/năm.

Biện pháp bảo đảm cho khoản vay: Theo Hợp đồng bảo lãnh số 160816-955369-01-SME/BLCN ngày 19/8/2016, ông Nguyễn Tiến T đã đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Công ty A trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ (bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại và tất cả các nghĩa vụ khác) phát sinh từ

Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 160816-955369-01-SME ngày 19/8/2016 và các hợp đồng, văn bản tín dụng khác ký giữa Công ty A và Ngân hàng T bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, các khế ước nhận nợ và văn bản liên quan.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, Công ty A vi phạm nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng T từ ngày 05/4/2017 nên toàn bộ khoản vay nêu trên đã bị chuyển sang nợ quá hạn với mức lãi suất nợ quá hạn. Ngân hàng T đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện, tuy nhiên Công ty A và bên bảo lãnh vẫn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ.

Từ ngày 23/11/2016 đến ngày 10/12/2019, Công ty A đã thanh toán cho Ngân hàng T tổng số tiền: 153.111.344 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 130.769.232 đồng, nợ lãi là 22.342.112 đồng.

Ngân hàng T yêu cầu Công ty A phải thanh toán trả toàn bộ số nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng và Khế ước nhận nợ nêu trên tạm tính đến ngày 10/12/2019 số tiền: Nợ gốc: 294.230.768 đồng; Nợ lãi trong hạn: 3.389.591 đồng; Nợ lãi quá hạn: 217.381.554 đồng; Tổng cộng là: 515.001.913 đồng.

Trong trường hợp Công ty A không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng T thì buộc ông Nguyễn Tiến T phải có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty A toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng và Khế ước nhận nợ nêu trên. Công ty A phải tiếp tục trả lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng và Khế ước nhận nợ nêu trên cho đến ngày Công ty A thanh toán hết các khoản nợ cho Ngân hàng T.

Trong trường hợp Công ty A và ông Nguyễn Tiến T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng T thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mãi tài sản thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Công ty A và ông Nguyễn Tiến T để thu hồi khoản nợ vay.

Hiện nay bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ở đâu Ngân hàng T không biết. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không thông báo địa chỉ hiện tại cho Ngân hàng nên Ngân hàng không có thông tin gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ A, người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Duy V – Giám đốc và Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – Ông Nguyễn Tiến T:

Hiện Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ A không hoạt động tại địa chỉ đăng ký kinh doanh số 28 Phố C, phường P, quận H, Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật của Công ty A: Ông Nguyễn Duy V – Giám đốc không sinh sống tại địa

chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 7, xã H, huyện T, Hà Nội và không sinh sống tại địa chỉ nơi cư trú: Số 17 Tổ dân phố V, phường M, quận B, Hà Nội.

Hiện ông Nguyễn Tiến T không sinh sống tại địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Tập thể D, phường Đ, quận H, Hà Nội.

Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng của Tòa án cho Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ A, người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Duy V – Giám đốc và Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – Ông Nguyễn Tiến T. Đồng thời Tòa án đã thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng để nhắc tìm nhưng ông Nguyễn Duy V, ông Nguyễn Tiến T vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án, do vậy không có lời khai của ông Nguyễn Duy V, ông Nguyễn Tiến T.

Tại Bản tư khai ngày 09/3/2020, 18/9/2020, Người đại diện tham gia tố tụng: Ông Trần Thái H – Thành viên Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ A trình bày:

Ông là thành viên Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ A từ tháng 12/2017 với số vốn góp 10%. Từ khi tham gia Công ty hoạt động không tốt. Đến cuối năm 2018, Công ty không còn hoạt động nữa.

Đối với Hợp đồng tín dụng theo đơn khởi kiện của Ngân hàng T ký kết ngày 19/8/2016, thời điểm này ông chưa tham gia vào Công ty cùng ông Nguyễn Duy V nên không nắm được khoản vay trên. Lúc đó, ông Nguyễn Tiến T là giám đốc Công ty ký kết Hợp đồng. Ông không có tài liệu gì liên quan đến vụ kiện trên để giao nộp cho Tòa án.

Trước đây, ông cùng gia đình đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 58 ngõ 481 phố N, phường N, quận L, Hà Nội. Vì vậy, trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty A có tên ông là thành viên góp vốn và địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú như trên (ghi theo địa chỉ Chứng minh thư nhân dân của ông). Thực tế, ông cùng gia đình đã chuyển hộ khẩu từ năm 2016 về tại địa chỉ: Số 240 phố N, phường T, quận X, Hà Nội và ở cho đến nay.

Ông đã nhận được thông báo của Tòa án về việc cử ông là người đại diện cho Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ A. Hiện nay, Công ty đã ngừng hoạt động, mọi công việc của Công ty đến thời điểm này ông không nắm được do ông Nguyễn Duy V là giám đốc điều hành Công ty và quyết định. Việc ông có tên trong Công ty là cho đủ thành phần của Công ty TNHH hai thành viên. Trụ sở Công ty tại số 28 phố C hiện tại không còn hoạt động, hiện nay ông V ở địa chỉ nào ông không biết và ông cũng không liên lạc với ông V.

Việc Tòa án cử ông là đại diện cho Công ty để tham gia tố tụng trong vụ án này vì không tìm được ông V, ông không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết vụ kiện theo quy định của pháp luật.

Do điều kiện bận công việc, ông xin phép được vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại các phiên tòa xét xử vụ án này. Kết quả giải

quyết xét xử vụ án đề nghị Tòa án gửi cho ông theo địa chỉ ông đã ghi trong bản tự khai. Ông giữ nguyên các ý kiến đã trình bày trong các bản tự khai.

Tại phiên tòa:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với Công ty A. Ngân hàng T yêu cầu Công ty A phải thanh toán trả toàn bộ số nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 160816-955369-01-SME ngày 19/8/2016 và Khế ước nhận nợ số 231116-955369-01-SME ngày 23/11/2016 tạm tính đến ngày 10/12/2019 số tiền: Nợ gốc: 294.230.768 đồng; Nợ lãi trong hạn: 3.389.591 đồng; Nợ lãi quá hạn: 217.381.554 đồng; Tổng cộng là: 515.001.913 đồng.

Yêu cầu Công ty A tiếp tục phải thanh toán phần nợ lãi phát sinh đối với số nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đã ký kết với Ngân hàng T kể từ ngày 11/12/2019 cho đến khi Công ty A thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng T.

Trong trường hợp Công ty A không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng T thì buộc ông Nguyễn Tiến T phải có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty A toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng, Khế ước nhận nợ, Hợp đồng bảo lãnh đã ký kết với Ngân hàng T.

Trong trường hợp Công ty A và ông Nguyễn Tiến T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng T thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mãi tài sản thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Công ty A và ông Nguyễn Tiến T để thu hồi toàn bộ khoản nợ vay.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án của Tòa án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng, thực hiện đúng quy định về thủ tục lấy lời khai, tiến hành công khai chứng cứ, đảm bảo đúng các thủ tục tố tụng khác. Việc cấp, tổng đạt, niêm yết, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đầy đủ, đúng quy định. Tuy nhiên thời hạn xét xử chưa được đảm bảo theo quy định nhưng có lý do khách quan, Tòa án phải tiến hành các thủ tục niêm yết, thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không còn hoạt động tại trụ sở theo đăng ký kinh doanh, người đại diện theo pháp luật của bị đơn và Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có mặt tại nơi cư trú, Tòa án đã tiến hành các thủ tục niêm yết, thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng theo đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự tố tụng. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt,

Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và lãi trong hạn, quá hạn tạm tính đến ngày 10/12/2019 số tiền: Nợ gốc: 294.230.768 đồng; Nợ lãi trong hạn: 3.389.591 đồng; Nợ lãi quá hạn: 217.381.554 đồng; Tổng cộng là: 515.001.913 đồng. Yêu cầu Công ty A tiếp tục phải thanh toán phần nợ lãi phát sinh đối với số nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đã ký kết với Ngân hàng T kể từ sau ngày 11/12/2019 cho đến khi Công ty A thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng T.

Trong trường hợp Công ty A không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng T thì buộc ông Nguyễn Tiến T phải có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty A toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng, Khế ước nhận nợ, Hợp đồng bảo lãnh đã ký kết với Ngân hàng T.

Trong trường hợp Công ty A và ông Nguyễn Tiến T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mãi tài sản thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Công ty A và ông Nguyễn Tiến T để thu hồi toàn bộ khoản nợ vay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật:

Ngân hàng TMCP Việt Nam T – Chi nhánh L và Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ A đã xác lập giao dịch thông qua việc ký kết Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 160816-955369-01-SME ngày 19/8/2016, mục đích sử dụng tiền vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải hành khách bằng đường bộ, nên xác định đây là tranh chấp kinh doanh thương mại được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (viết tắt là BLTTDS năm 2015).

2.2. Về thẩm quyền giải quyết:

Tại thời điểm nộp đơn khởi kiện nguyên đơn xuất trình tài liệu chứng minh bị đơn có trụ sở tại số 28 Phố C, phường P, quận H, Hà Nội. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

1.3. Về việc chỉ định ông Trần Thái H – Thành viên Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ A là người đại diện tham gia tố tụng:

Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng của Tòa án cho Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ A, người đại diện theo

pháp luật: Ông Nguyễn Duy V – Giám đốc. Đồng thời Tòa án đã thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng để nhắn tìm nhưng ông Nguyễn Duy V vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ A do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cung cấp cho Tòa án ngày 22/5/2020: ... Danh sách thành viên góp vốn gồm có: Ông Nguyễn Duy V và ông Trần Thái H.

Để giải quyết vụ án bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự, TAND Quận Hai Bà Trưng đã chỉ định ông Trần Thái H (thành viên của Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ A) là người đại diện cho Công ty A tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 6,7 Điều 13 Luật Doanh nghiệp năm 2014.

1.4. Về việc vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng của Tòa án cho Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ A, người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Duy V – Giám đốc và Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – Ông Nguyễn Tiến T; Đồng thời Tòa án đã thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng, cụ thể: Thông báo trên Đài Tiếng nói Việt Nam vào các ngày 06, 07, 08 tháng 8 năm 2020; Thông báo trên Báo Nhân dân vào các ngày 04, 05, 06 tháng 8 năm 2020; Thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án để nhắn tìm nhưng ông Nguyễn Duy V, ông Nguyễn Tiến T vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án;

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 26/4/2021 và ngày 26/5/2021, Bị đơn: Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ A; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Duy V - Giám đốc Công ty; Người đại diện tham gia tố tụng: Ông Trần Thái H – Thành viên Công ty; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Tiến T, đều vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là phù hợp điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 BLTTDS năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về hiệu lực của Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng, Khế ước nhận nợ, Hợp đồng bảo lãnh:

Ngân hàng TMCP Việt Nam T – Chi nhánh L do ông Phạm Ngọc A – Giám đốc Trung tâm SME kiêm Phó Giám đốc Chi nhánh L đại diện và Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ A do ông Nguyễn Tiến T – Giám đốc Công ty đại diện đã ký kết Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 160816-955369-01-SME ngày 19/8/2016 và Khế ước nhận nợ số 231116-955369-01-SME ngày 23/11/2016.

Hợp đồng bảo lãnh số 160816-955369-01-SME/BLCN ngày 19/8/2016: Bên bảo lãnh: Ông Nguyễn Tiến T; Bên nhận bảo lãnh: Ngân hàng TMCP Việt Nam T – Chi nhánh L do ông Phạm Ngọc A – Giám đốc Trung tâm SME kiêm

Phó Giám đốc Chi nhánh L đại diện; Bên được bảo lãnh: Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ A.

Việc ký kết Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng, Khế ước nhận nợ và Hợp đồng bảo lãnh nêu trên là tự nguyện, hình thức và nội dung phù hợp với quy định pháp luật nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên.

2.2. Về yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ gốc:

Theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 160816-955369-01-SME ngày 19/8/2016, các bên thỏa thuận số tiền vay là 1.000.000.000 đồng, thời hạn của hạn mức: 12 tháng, kể từ ngày 19/8/2016, trong thời hạn này, bên vay có thể vay vốn, trả nợ nhiều lần (mỗi lần vay vốn sẽ lập thành một Khế ước nhận nợ) nhưng dư nợ tại mọi thời điểm không vượt quá giá trị của hạn mức.

Ngày 23/11/2016 Ngân hàng T đã giải ngân cho Công ty A số tiền 425.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ số 231116-955369-01-SME ngày 23/11/2016, các bên thỏa thuận thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 23/11/2016 đến ngày 23/11/2017, bên vay phải trả nợ gốc cho Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 05/12/2016, tổng cộng gồm 13 kỳ, mỗi kỳ trả 32.692.308 đồng, kỳ cuối cùng trả 32.692.304 đồng.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, từ ngày 23/11/2016 đến ngày 10/12/2019, Công ty A đã thanh toán cho Ngân hàng T số tiền nợ gốc là 130.769.232 đồng, còn nợ lại số tiền gốc tạm tính đến ngày 10/12/2019 là 294.230.768 đồng.

Công ty A vi phạm nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng T từ ngày 05/4/2017 nên toàn bộ khoản vay nêu trên đã bị chuyển sang nợ quá hạn với mức lãi suất nợ quá hạn. Ngân hàng T đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện, tuy nhiên Công ty A và bên bảo lãnh vẫn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Giữa hai bên đã có buổi làm việc và thông báo về việc yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ của Công ty A và nghĩa vụ bảo lãnh của ông Nguyễn Tiến T. Tại Biên bản làm việc ngày 03/8/2017, hai bên đã xác nhận về số tiền nợ còn lại nhưng Công ty A vẫn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, Ngân hàng T đã khởi kiện yêu cầu Công ty A phải thanh toán trả số tiền nợ gốc 294.230.768 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.3. Về yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ lãi trong hạn, quá hạn:

Tại Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 160816-955369-01-SME ngày 19/8/2016 các bên thỏa thuận về lãi suất cho vay trong hạn: Được quy định trong các Khế ước nhận nợ ký kết giữa Công ty A và Ngân hàng T; Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn, đối với các Khế ước nhận nợ có quy định việc điều chỉnh lãi suất định kỳ thì sau khi chuyển quá hạn, lãi suất cho vay trong hạn vẫn được điều chỉnh định kỳ theo quy định trong Khế ước nhận nợ, sau đó mới nhân (x) với 150% để xác định mức lãi suất quá hạn.

Tại Khế ước nhận nợ số 231116-955369-01-SME ngày 23/11/2016 các bên thỏa thuận về lãi suất cho vay trong hạn: 18,2%/năm, mức lãi suất này sẽ được

thay đổi theo phương thức: mức lãi suất này sẽ được cố định trong vòng 01 tháng đầu, sau đó điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 23/12/2016, mức điều chỉnh lãi suất bằng lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 10,82%/năm, lãi suất bán vốn là mức lãi suất do hội sở chính của bên Ngân hàng xác định từng thời kỳ.

Việc Công ty A không trả được số nợ còn lại cho Ngân hàng T là vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã thỏa thuận giữa các bên tại Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng và vi phạm quy định của Luật các tổ chức tín dụng. Tại Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng, Khế ước nhận nợ, hai bên đã thỏa thuận về lãi suất cho vay, mức lãi suất các bên thỏa thuận và ký kết phù hợp với quy định pháp luật. Do đó, Ngân hàng T yêu cầu Công ty A trả số nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn tạm tính đến ngày 10/12/2019: Nợ lãi trong hạn là 3.389.591 đồng, nợ lãi quá hạn là 217.381.554 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ngân hàng T yêu cầu Công ty A tiếp tục phải thanh toán nợ lãi của số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng và Khế ước nhận nợ đã ký kết với Ngân hàng T kể từ ngày 11/12/2019 cho đến khi Công ty A thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng T là có cơ sở nên được chấp nhận.

2.4. Biện pháp bảo đảm cho khoản vay:

Tại Điều 1 Hợp đồng bảo lãnh số 160816-955369-01-SME/BLCN ngày 19/8/2016, ông Nguyễn Tiến T đã đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Công ty A trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ (bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại ... và tất cả các nghĩa vụ khác) phát sinh từ Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 160816-955369-01-SME ngày 19/8/2016 và các hợp đồng, văn bản tín dụng khác ký giữa Công ty A và Ngân hàng T bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, các khế ước nhận nợ và văn bản liên quan cho đến khi Công ty A thực tế thanh toán hết nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng T.

Tại Điều 2 Hợp đồng bảo lãnh số 160816-955369-01-SME/BLCN ngày 19/8/2016, các bên thống nhất thỏa thuận: Ông Nguyễn Tiến T có nghĩa vụ thay Công ty A thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của Công ty A với Ngân hàng T một cách vô điều kiện và không hủy ngang trường hợp Công ty A không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ. Ông Nguyễn Tiến T đã cam kết dùng mọi tài sản thuộc quyền sử dụng, sở hữu hợp pháp của mình hoặc thu xếp để có tài sản từ tất cả các nguồn khác để đảm bảo khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty A và ủy quyền cho bên Ngân hàng T được tự mình hoặc yêu cầu cơ quan chức năng xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sử dụng, quyền sở hữu của ông Nguyễn Tiến T để thu hồi nợ.

Vì vậy, trong trường hợp Công ty A không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng T thì buộc ông Nguyễn Tiến T phải có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty A toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng và Khế ước nhận nợ nêu trên. Công ty A phải tiếp tục trả lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng và Khế ước nhận nợ nêu trên cho đến ngày Công ty A thanh toán hết các khoản nợ cho Ngân hàng T.

Trong trường hợp Công ty A và ông Nguyễn Tiến T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mãi tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của Công ty A và ông Nguyễn Tiến T để thu hồi toàn bộ khoản nợ.

[3]. Về án phí và quyền kháng cáo:

Công ty A phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ngân hàng T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 70, 71, 72, 73; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 274; Điều 278; Điều 280; khoản 7 Điều 292; Điều 335; Điều 336; Điều 339; Điều 342; Điều 401; Điều 463; Điều 466; khoản 1 Điều 468; Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 6,7 Điều 13 Luật Doanh nghiệp năm 2014;

Căn cứ Điều 91; Điều 95; Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/1997/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân Tối cao – Viện kiểm sát nhân dân Tối cao – Bộ Tư pháp – Bộ Tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và điểm c khoản 1.4 Mục 1 Phần II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Pháp lệnh;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam T đối với Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ A.

2. Buộc Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ A phải trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền nợ tạm tính đến ngày 10/12/2019 theo Hợp đồng cấp

hạn mức tín dụng số 160816-955369-01-SME ngày 19/8/2016 và Khế ước nhận nợ số 231116-955369-01-SME ngày 23/11/2016, cụ thể:

- Nợ gốc: 294.230.768 (Hai trăm chín mươi bốn triệu, hai trăm ba mươi nghìn, bảy trăm sáu tám) đồng;
- Nợ lãi trong hạn: 3.389.591 (Ba triệu, ba trăm tám mươi chín nghìn, năm trăm chín mốt) đồng;
- Nợ lãi quá hạn: 217.381.554 (Hai trăm mười bảy triệu, ba trăm tám mươi mốt nghìn, năm trăm năm bốn) đồng;
- Tổng cộng là: 515.001.913 (Năm trăm mười lăm triệu, một nghìn, chín trăm mười ba) đồng.

Kể từ ngày 11/12/2019, Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ A còn phải tiếp tục chịu số tiền nợ lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng và Khế ước nhận nợ nêu trên đã ký kết giữa các bên cho đến khi Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ A thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T.

3. Về biện pháp bảo đảm cho khoản vay:

Trường hợp Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ A không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T thì buộc ông Nguyễn Tiến T phải có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ A toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng và Khế ước nhận nợ nêu trên cho đến ngày Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ A thanh toán hết các khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T.

Trong trường hợp Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ A và ông Nguyễn Tiến T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T thì Ngân hàng TMCP Việt Nam T có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mãi tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ A và ông Nguyễn Tiến T để thu hồi toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận về việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí và quyền kháng cáo:

Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ A phải chịu số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 24.600.076 (Hai mươi bốn triệu, sáu trăm nghìn, bảy sáu) đồng.

Ngân hàng TMCP Việt Nam T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 11.800.000 (*Mười một triệu, tám trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0003345 ngày 20/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt đại diện Ngân hàng TMCP Việt Nam T, vắng mặt người đại diện theo pháp luật, người đại diện tham gia tố tụng của Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ A, vắng mặt ông Nguyễn Tiến T.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q.Hai Bà Trưng;
- TAND TP.Hà Nội;
- VKSND TP.Hà Nội;
- Chi cục THADS Q.Hai Bà Trưng;
- Lưu HS,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Lan Chi